

CÁC ĐỘNG TỪ THEO SAU BỞI GERUND (V-ING)

Admit (thừa nhận) + Ving : *She admits stealing the money.*

	Thừa nhận		Hoãn
	Khuyến nhủ		Phủ nhận
	Đoán trước		Thảo luận
	Đánh giá cao		Không thích
	Tránh		Thích
	Không thể giúp được		Kết thúc
	Hoàn thành		Quên
	Xem xét		Tiếp tục
	Đề cập		Từ bỏ
	Ngại ngần		Nhắc lại
	Lỡ (chuyển xe..)		Hồi tưởng
	Trì hoãn		Giới thiệu, đề xuất
	Thực hành		Hối tiếc
	Nhớ		Liều lĩnh
	Tức giận		Ngưng
	Phản đối		Đề nghị
	Tha thứ		Hiểu

PRACTICE

1. I **don't fancy** _____ (to go) out tonight.
2. She **avoided** _____ (to tell) him about her plans.
3. He **enjoys** _____ (to have) a bath in the evening.
4. She **kept** _____ (to talk) during the film.
5. Do you **mind** _____ (to give) me a hand?
6. I've **finished** _____ (to cook). Come and eat!
7. I **dislike** _____ (to wait).

Tiếng Anh Ms. Huyền

8. We **discussed** _____ (to go) to the cinema, but in the end we stayed at home.
9. I don't **recommend** _____ (to take) the bus, it takes forever!
10. She **suggested** _____ (to go) to the museum.
11. I **can't stand** _____ in queues. (to wait)
12. Jim **loves** _____ in Thailand. (to work)
13. I **hate** _____ the shopping on Saturday. (to do)
14. Do you **mind** not _____ ? (to smoke)
15. Everybody really **enjoyed** _____ the cha-cha-cha. (to dance)
16. Lionel **admitted** _____ my chocolate mousse. (to eat)
17. I always try to **avoid** _____ him whenever I can. (to see)
18. I **can't stand** _____ in the queue at the baker's. (to wait)
19. I never **risk** _____ through that part of town. (to go)
20. My brother **denied** _____ my chocolate mousse. Maybe his hamster ate it. (to eat)
21. I can't make a decision. I **keep** _____ my mind. (to change)
22. It was a good holiday. I **enjoyed** _____ by the sea. (to be)
23. Did I really tell you I was unhappy? I don't **remember** _____ that.(to drink)
24. Steve used to be a footballer. He had to **stop** _____ because of an injury (to play)
25. Most teachers **insist on** their pupils _____ the homework. (to do)

THE END